TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - Q**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 68/2026/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 01 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 68/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* giữa:

Nguyên đơn: chị Ngô Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ 5B, khu V, phường M, tỉnh Q.

Bị đơn: anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: tổ 5B, khu V, phường M, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị L và anh Nguyễn Đức H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: chị Ngô Thị L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 01/01/2010, kể từ tháng 5/2026 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Lcùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về án phí: chị Ngô Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001868 ngày 06/5/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Q. Chị Ngô Thị L được trả lại 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND khu vực 5 - Q;
- Thi hành án dân sự tỉnh Q;
- UBND phường M (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Tuấn Anh